

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN LÂM NGHIỆP**

=====***=====

**VĂN KIẾN DỰ ÁN
NHÂN RỘNG QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ
CHỨNG CHỈ RỪNG TẠI VIỆT NAM (SFM)**

*(Kèm theo Văn bản số: 1054 /DALN-TVXDDA ngày 30 / 9/2021 của
Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp)*



Hà Nội, tháng 9 năm 2021

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Ý nghĩa của từ viết tắt
1	ASEAN	Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations)
2	BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
3	BVR	Bảo vệ rừng
4	C.ty	Công ty
5	CCR	Chứng chỉ rừng
6	CPMU	Ban Quản lý dự án Trung ương
7	DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
8	ĐDSH	Đa dạng sinh học
9	EURO	Đồng tiền chung Châu Âu
10	FSC	Hội đồng quản trị rừng
11	GIZ	Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức
12	HCD	Phát triển nhân lực
13	HGD	Hộ gia đình
14	KfW	Ngân hàng tái thiết Đức
15	LN	Lâm nghiệp
16	LTQD	Lâm trường quốc doanh
17	MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	MBFP	Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp
19	NDC	Cam kết đóng góp giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định (Nationally Determined Contributions)
20	NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	PPMU	Ban Quản lý dự án tỉnh
22	PFEC	Chương trình Xác nhận Chứng nhận rừng
23	QLRBV	Quản lý rừng bền vững
24	RSX	Rừng sản xuất
25	RT	Rừng trồng
26	RTN	Rừng tự nhiên
27	TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
28	TP	Thành phố
29	UBND	Ủy ban nhân dân
30	USD	Đô la Mỹ
31	USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ
32	VAFS	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
33	VND	Đồng tiền Việt Nam
34	VPA	Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi pháp luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản
35	VIFORES	Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam
36	WB	Ngân hàng Thế giới
37	WWF	Quỹ quốc tế Bảo vệ thiên nhiên

**VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA DO
CHÍNH PHỦ ĐỨC VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI**
(Theo mẫu tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

- Tên tiếng Việt: Nhân rộng Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng tại Việt Nam (viết tắt là Dự án SFM).

- Tên tiếng Anh: Upscaling of Sustainable Forest Management and Certification in Vietnam.

- Mã số dự án: 2019.2276.4

2. Nhà tài trợ: Chính phủ CHLB Đức, đại diện là Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) viện trợ không hoàn lại thông qua Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ).

3. Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Địa chỉ liên lạc: Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.

- Điện thoại: 084 2438434682 Fax: 084 2438569833.

4. Chủ dự án.

a) Cấp trung ương: Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp (MPFB).

- Địa chỉ liên lạc: Nhà số 02, Số 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

- Điện thoại: 084 2437286189 Fax: 084 2437286190.

b) Cấp địa phương: Sở Nông nghiệp và PTNT

5. Đơn vị thực hiện dự án: Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit - GIZ) phối hợp cùng MPFB.

6. Thời gian thực hiện dự án: Từ tháng 10 năm 2021 đến 31/3/2025 (bao gồm thời gian quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật Việt Nam).

7. Địa điểm thực hiện dự án: Tại Hà Nội (cấp trung ương) và 03 tỉnh miền Trung gồm: Quảng Trị, Bình Định và Phú Yên.

8. Tổng vốn dự án là: Tổng vốn dự án: 4,75 triệu Euro (tương đương 125.060 triệu VND hoặc 5,47 triệu USD), trong đó:

a) Vốn ODA tài trợ từ BMZ thông qua GIZ: 4,00 triệu Euro (tương đương 105.160 triệu VND hoặc 4,6 triệu USD). Toàn bộ phần vốn viện trợ không hoàn lại sẽ do GIZ quản lý và được chi tiêu theo quy định của BMZ.

b) Vốn đối ứng: 19.900 triệu VND (tương đương 0,75 triệu Euro hoặc 0,87 triệu USD), trong đó:

STT		VND	Euro	USD
Tổng (I+II)		19.900.000.000	750.000	870.000
I. Trung ương		9.900.000.000	365.000	433.000
	Bộ NN&PTNT	9.900.000.000	365.000	433.000
II. Các địa phương		10.000.000.000	385.000	437.000
1	Tỉnh Quảng Trị	3.000.000.000	120.000	131.000
2	Tỉnh Bình Định	3.200.000.000	125.000	140.000
3	Tỉnh Phú Yên	3.800.000.000	140.000	166.000

(Ghi chú: Tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank ngày 21/9/2021: 01 Euro = 26.290 VND; 01 USD = 22.850,00 VND).

9. Hình thức tài trợ và đối tượng tác động: Hỗ trợ kỹ thuật quản lý rừng bền vững cho Ban quản lý rừng và Công ty lâm nghiệp.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành và địa phương.

Rừng vừa là tài nguyên, vừa là tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng, có khả năng tái tạo, là tài sản, nguồn lực to lớn của đất nước, vừa là yếu tố quan trọng bậc nhất của môi trường sinh thái; phát triển lâm nghiệp nhanh và bền vững trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật có sự thống nhất giữa quản lý, bảo vệ, phát triển rừng với sử dụng rừng, chế biến và thương mại lâm sản và các dịch vụ hệ sinh thái rừng trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát huy tiềm năng về khí hậu, đất đai và lợi thế so sánh các vùng, miền; ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại và đổi mới, sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị tổng hợp của rừng; hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội. Phát triển lâm nghiệp nhanh, bền vững theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa và tổ chức liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị lâm sản; thu hút các nguồn lực và bảo đảm sự tham gia của các thành phần kinh tế trong hoạt động lâm nghiệp trên nguyên tắc thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai và tài nguyên rừng; chủ động tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, phát huy các lợi thế và tận dụng các cơ hội để phát triển; hài hòa các chuẩn mực quốc tế và phát triển thương hiệu Việt; thực thi đầy đủ các cam kết quốc tế về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, các quy định về thương mại lâm sản, phấn đấu trở thành một trong những nước hàng đầu thế giới về sản xuất, chế biến, xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản, góp phần nâng cao vai trò vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Diện tích đất có rừng của Việt Nam được ước tính là 14,67 triệu hecta (ha) năm 2020, tương đương 44% tổng diện tích đất tự nhiên, với khoảng 4,3 triệu ha

rừng trồng. Độ che phủ rừng ngày càng tăng, nhanh nhất ở rừng sản xuất, từ 37,7% năm 2006 lên 41,89% vào năm 2019, năm 2020 tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,01% (diện tích đất có rừng đủ tiêu chuẩn để tính tỷ lệ che phủ đến ngày 31/12/2020 là 13.919.557 ha)¹. Tuy nhiên, chất lượng rừng vẫn có xu hướng giảm; Rừng sản xuất có chất lượng thấp. Sự đa dạng về cấu trúc (đa dạng về loài cây và nhóm tuổi, sự pha trộn giữa cây và cây bụi, tính toàn vẹn sinh thái, chu trình dinh dưỡng, v.v.) còn thiếu. Khoảng 68% rừng rụng lá trong cả nước đang bị suy thoái (nghiêm trọng). Nền kinh tế rừng trồng chủ yếu là các mô hình luân canh ngắn ngày với tỷ suất lợi nhuận thấp để sản xuất dăm gỗ lấy sinh khối - chủ yếu là cây gỗ trắc. Các đồn điền phải chịu những rủi ro lớn về khí hậu, trầm trọng hơn bởi biến đổi khí hậu, và ngày càng bị đe dọa bởi thiệt hại do bão, cũng như dịch bệnh và côn trùng gây hại. Mặc dù có khung pháp lý đầy đủ, phụ nữ trong ngành lâm nghiệp vẫn gặp bất lợi trong việc ra quyết định, tiếp cận tín dụng và tiếp cận kiến thức tại các cơ quan công quyền, công ty lâm nghiệp và hộ gia đình. Đặc điểm của ngành lâm nghiệp là mức độ phi chính thức cao, quyền lao động và quyền của người thiểu số không phải lúc nào cũng được tôn trọng đầy đủ.

Một trong những biện pháp quan trọng hiện nay là quản lý tổng hợp thông qua các giải pháp truyền thống kết hợp với thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Để đánh giá chất lượng quản lý rừng bền vững, các tổ chức bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường thế giới đã xây dựng và thực hiện những bộ tiêu chuẩn gồm các nguyên tắc, tiêu chí và chỉ số làm thước đo khi tiến hành đánh giá và cấp chứng chỉ cho những khu rừng. Theo tổ chức Gỗ nhiệt đới Quốc tế (International Tropical Timber Organisation): Quản lý rừng bền vững là quá trình quản lý các khu rừng ổn định nhằm đạt một hoặc nhiều hơn các mục tiêu quản lý đã được đề ra một cách rõ ràng như đảm bảo sản xuất liên tục những sản phẩm và dịch vụ của rừng mà không làm giảm đáng kể những giá trị di truyền và năng suất tương lai của rừng và không gây ra những tác động không mong muốn đối với môi trường và xã hội. Quản lý rừng bền vững là sự quản lý rừng và đất rừng theo cách thức và mức độ phù hợp để duy trì tính đa dạng sinh học, năng suất, khả năng tái sinh, sức sống của rừng và duy trì tiềm năng của rừng trong hiện tại và tương lai, duy trì các chức năng sinh thái, kinh tế, xã hội của rừng ở cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu và không gây ra những tác hại đối với các hệ sinh thái khác. Tóm lại, Quản lý rừng bền vững phải đảm bảo ba mục tiêu cơ bản là: i) Giữ vững sản xuất lâm nghiệp ổn định và phát triển lâu dài, đạt hiệu quả kinh tế cao; ii) Bảo vệ và duy trì được diện tích và năng suất của rừng, không gây ô nhiễm môi trường sống; iii) Góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội của địa phương như tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập, an sinh xã hội v.v. Đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, quản lý rừng bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng đối với ngành lâm nghiệp của tất cả các nước trên thế giới.

Hiện tại, Việt Nam là một trong bốn quốc gia đứng đầu thế giới về xuất

¹ Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020 tại Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN, ngày 13/4/2021

khẩu đồ gỗ, với kim ngạch xuất khẩu gỗ và lâm sản của Việt Nam liên tục tăng từ 1,9 tỷ USD năm 2006 lên 9,3 tỷ USD vào năm 2018 tăng 16% so với 2017². Mục tiêu cho ngành chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu là “Trong 10 năm tới, ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam; Phấn đấu để Việt Nam trở thành một trong những nước hàng đầu trên thế giới về sản xuất, chế biến, xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ có thương hiệu, uy tín trên thị trường thế giới; Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ năm 2019 đạt 11 tỉ USD, năm 2020 đạt 12-13 tỉ USD; đến năm 2025 đạt 18-20 tỉ USD”³, đóng góp một phần quan trọng vào GDP của cả nước. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu gỗ và lâm sản nước ta đang đứng trước những thách thức, rào cản rất lớn do yêu cầu của thị trường quốc tế về chứng chỉ các sản phẩm gỗ đang ngày càng tăng. Các thị trường xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ chính của nước ta đều yêu cầu các sản phẩm gỗ phải có chứng chỉ, và được kiểm soát nguồn gốc gỗ từ rừng được quản lý bền vững. Áp lực này càng tăng mạnh khi Việt Nam đã và đang chuẩn bị ký kết và thực hiện nhiều thỏa thuận, Hiệp định quốc tế như Đạo luật Nông nghiệp của Hoa Kỳ (Lacey), Quy chế gỗ 995 của EU và sắp tới đây là thực hiện “Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương – CPTPP”. Với việc Việt Nam ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu EU (EVFTA) sẽ mở ra thị trường rất lớn của 28 quốc gia. Ngày 17/10/2018, Ủy ban châu Âu đã chính thức thông qua EVFTA và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (IPA). Ngày 30/3/2020, Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA và ngày 08/6/2020, Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp định EVFTA và IPA. Ngày 19/10/2018, tại Brussels, Việt Nam và Ủy ban châu Âu đã ký Hiệp định VPA-FLEGT, Hiệp định sẽ có hiệu lực sau khi được phê chuẩn theo quy định pháp luật của mỗi bên. Các hiệp định mà Việt Nam đang tham gia đều yêu cầu các quốc gia thành viên phải tăng cường thực hiện quản lý rừng bền vững, bảo tồn thiên nhiên. Đồng thời cũng sẽ tác động tích cực tới ngành chế biến, xuất khẩu gỗ.

Phát triển lâm nghiệp bền vững trên cơ sở kế thừa và phát huy các thành tựu đã đạt được cũng như bài học kinh nghiệm trong các giai đoạn trước và đổi mới mô hình tăng trưởng từ dựa vào mở rộng diện tích, khối lượng và nguồn lực sang tập trung vào giá trị sản phẩm tạo ra, đề tăng thu từ giá trị gia tăng dựa vào năng suất, chất lượng và hiệu quả, với một số nhiệm vụ và giải pháp mang tính đột phá về khoa học công nghệ và cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới; gắn kết vùng sản xuất nguyên liệu tập trung với công nghiệp chế biến tiên tiến, hiện đại; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hài hòa giữa phát triển lâm nghiệp với phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan nhằm đóng góp ngày càng tăng vào tăng trưởng kinh tế, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế và đời sống người dân tộc thiểu số và những đóng góp vào việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi

2 Diễn đàn “Ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản 2018”, ngày 22/2/2019

3 Ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Diễn đàn: “Ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản năm 2018 - Thành công và bài học kinh nghiệm, giải pháp bức phá năm 2019”, ngày 22/2/2019.

khí hậu của đất nước và người dân

Nhận thức được những vấn đề và thách thức nêu trên, Bộ NN & PTNT cùng với GIZ Việt Nam thay mặt BMZ phối hợp tìm kiếm nguồn lực tài chính và giải pháp kỹ thuật dự án hỗ trợ kỹ thuật nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng tại Việt Nam.

2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.

Theo công bố của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2021, hiện trạng rừng đến 31/12/2020 diện tích rừng tự nhiên chỉ còn khoảng 10,28 triệu ha và diện tích rừng trồng đã tăng lên khoảng 4,4 triệu ha. Tuy nhiên, diện tích rừng đủ tiêu chuẩn để tính độ che phủ toàn quốc chỉ đạt khoảng 13,9 triệu ha, độ che phủ đạt 42,01%. Hầu hết các diện tích rừng này được quản lý thiếu bền vững trong quá khứ dẫn đến năng suất và chất lượng rừng bị suy thoái nghiêm trọng. Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam” (VFDS) giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021, xác định việc quản lý sử dụng và phát triển bền vững vốn rừng này làm nền tảng cho phát triển ngành Lâm nghiệp. Theo đó, mục tiêu đặt ra đến năm 2030, 100% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý rừng bền vững; Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản: 18 đến 20 tỷ USD vào năm 2025, 23 đến 25 tỷ USD vào năm 2030; giá trị tiêu thụ lâm sản thị trường trong nước đạt 5 tỷ USD vào năm 2025, đạt trên 6 tỷ USD vào năm 2030; tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt từ 5,0% đến 5,5%/năm; Phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng các nguồn thu phù hợp với quy định của pháp luật; tổng thu tiền dịch vụ môi trường rừng tăng bình quân 5%/năm. Về xã hội: Đến năm 2025, mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số làm lâm nghiệp tăng trên 2 lần so với năm 2020; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3,0%, đến năm 2030 thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung cả nước.

Hiện tại, Việt Nam là một trong bốn quốc gia đứng đầu thế giới về xuất khẩu đồ gỗ, mặc dù tình hình kinh tế trong nước cũng như quốc tế chịu ảnh hưởng không nhỏ từ dịch Covid-19 nhưng ngành chế biến và xuất khẩu gỗ của Việt Nam vẫn đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ, là điểm sáng trong bức tranh xuất khẩu trong năm 2020, góp phần duy trì đà phát triển xuất khẩu trong bối cảnh trong nước và quốc tế đều gặp khó khăn. Tính đến hết năm 2020, kim ngạch xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt 12,3 tỷ USD, tăng 15,7% so với năm 2019, giá trị lâm sản xuất siêu đạt trên 10 tỷ USD - cao nhất từ trước đến nay, tiếp tục đứng trong 10 nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu gỗ và lâm sản nước ta đang đứng trước những thách thức, rào cản rất lớn do yêu cầu của thị trường quốc tế về chứng chỉ các sản phẩm gỗ đang ngày càng tăng. Các thị trường xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ chính của nước ta đều yêu cầu các sản phẩm gỗ phải có chứng chỉ và được kiểm soát nguồn gốc gỗ từ rừng được quản lý bền vững. Áp lực này

càng tăng mạnh khi Việt Nam đã và đang ký kết nhiều thỏa thuận, hiệp định quốc tế như Đạo luật Nông nghiệp của Hoa Kỳ (Lacey), Quy chế gỗ 995 của EU, Luật 166/2012 của Úc, Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi lâm luật, quản trị và thương mại lâm sản (VPA-FLEGT) giữa Việt Nam và liên minh Châu Âu yêu cầu các quốc gia thành viên phải tăng cường thực hiện quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học.

Năm 2013 – 2014, Tổng cục Lâm nghiệp với sự tài trợ của quỹ TFF đã thực hiện dự án “Xây dựng chính sách QLRBV và thúc đẩy CCR tại Việt Nam”. Cùng với sự tư vấn của Viện Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng đã xây dựng được bộ Nguyên tắc QLRBV Việt Nam (Phụ lục I – Thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT. Năm 2018, Bộ NN&PTNT đã sửa đổi Thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT thành Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018, trong đó kèm theo Bộ tiêu chí QLRBV quốc gia được xây dựng dựa trên Bộ nguyên tắc xây dựng năm 2014 và tuân theo các Nguyên tắc và tiêu chí QLRBV của Hệ thống chứng chỉ rừng PEFC. Bên cạnh những chính sách được ban hành từ Chính phủ và Bộ NN&PTNT, nhằm thúc đẩy thực hiện QLRBV và CCR, Bộ đã trình Chính phủ phê duyệt Đề án QLRBV và CCR theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018. Tổng cục Lâm nghiệp được giao là đầu mối thực hiện Đề án, trong đó đã xây dựng được Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia (gọi tắt là VFCS). Hệ thống VFCS được xây dựng trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của Hệ thống CCR quốc tế PEFC, tháng 5/2019 đã được PEFC kết nạp thành viên và tháng 10/2020 Hệ thống VFCS đã được PEFC công nhận và cho phép sử dụng lô gỗ, nhãn mác của PEFC cho các sản phẩm có chứng chỉ VFCS. Song song, năm 2020 Bộ tiêu chuẩn QLRBV của FSC áp dụng cho Việt Nam cũng đã được FSC thông qua. Mục tiêu và hoạt động của dự án này sẽ kế thừa và có quan hệ mật thiết với các chương trình/dự án đã và đang thực hiện tại Việt Nam như:

- Dự án Trường Sơn Xanh và Dự án Giám sát, Đánh giá và Khảo sát (VEMSS). Các kết quả chính đã có của Dự án Trường Sơn Xanh sẽ được sử dụng và lồng ghép trong quá trình thực hiện dự án mới, bao gồm các đợt tập huấn, các công cụ đánh giá và quản lý, ví dụ như METT, Kế hoạch QLRBV tại 5 khu RPH tại tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Nam. Nằm trong phạm vi dự án VEMSS do USAID tài trợ và sau này là dự án Trường Sơn Xanh, dự án đã tiến hành thực hiện theo dõi ĐDSH tại 10 KBT, làm cơ sở để đo lường sự thành công của một trong những mục tiêu của dự án là ổn định và phục hồi quần thể động vật hoang dã. Mục tiêu này sẽ mở rộng áp dụng cho các KBT khác.

- Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD) do USAID tài trợ: Với mục tiêu hỗ trợ Việt Nam chuyển sang phát triển thích ứng phát thải thấp và bền vững hơn. Giai đoạn 1 của dự án (2012-2017) giúp triển khai thực hiện các chính sách và chiến lược quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu, trong đó tập trung vào lĩnh vực lâm nghiệp, nông nghiệp, giảm thiểu rủi ro thiên tai, tăng cường sinh kế nông thôn. Bắt đầu từ năm 2018, giai đoạn 2 của dự án tập trung hỗ trợ Chính phủ Việt Nam để cải thiện chương trình PFES – một chính sách quan

trọng giúp bảo tồn rừng của Việt Nam – là một công cụ hiệu quả góp phần đạt được các mục tiêu môi trường và kinh tế-xã hội của đất nước.

- Chương trình mục tiêu Phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 với mục tiêu tổng quát là: Phát triển lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, liên kết theo chuỗi từ phát triển rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng và diện tích đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng để góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh.

- Dự án “Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững” do Chính phủ Nhật Bản tài trợ, Bộ NN&PTNT là cơ quan chủ quản dự án (viết tắt là dự án JICA-SNRM). Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp làm chủ dự án và được triển khai thực hiện tại 4 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và VQG Bidoup - Núi Bà. Dự án được thực hiện trong vòng 5 năm (2015 - 2020) với mục tiêu chung là thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đem lại nhiều lợi ích cho người dân. Bốn hợp phần của dự án được thực hiện là: (i) Hợp phần 1: hỗ trợ chính sách; (ii) Hợp phần 2: quản lý rừng bền vững và REDD+; (iii) Hợp phần 3: bảo tồn ĐDSH và (iv) Hợp phần 4: chia sẻ kiến thức.

Tuy nhiên, việc triển khai quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng ở Việt Nam còn rất chậm và khó có thể đạt được các mục tiêu đề ra nếu không có các giải pháp kịp thời. Tính đến tháng 12 năm 2020, cả nước mới có gần 230 nghìn ha rừng được cấp chứng chỉ FSC và hơn 50 nghìn ha được cấp chứng chỉ VFCS/PEFC, chiếm hơn 3% diện tích rừng sản xuất. Sự chậm trễ này do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó nguyên nhân chính là do thiếu năng lực về kỹ thuật và tài chính để thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Hơn nữa, do đặc thù của Việt Nam, các chủ rừng đa phần là chủ rừng nhỏ, trong đó trên 50% diện tích rừng trồng sản xuất được quản lý bởi hộ gia đình. Ngoài sự yếu kém về năng lực kỹ thuật và tài chính, rào cản về thể chế để có thể thực hiện chứng chỉ rừng theo nhóm cũng là một nguyên nhân quan trọng. Ngoài ra, sự hỗ trợ của nhà nước về tạo cơ chế, chính sách và nguồn tài chính đầu tư cho quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng còn rất hạn chế.

Từ bối cảnh trên, dự án “Nhân rộng quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng ở Việt Nam” hỗ trợ nâng cao năng lực và tài trợ cho các chủ rừng là các tổ chức (quốc doanh, tư nhân và BQLRPH), đồng thời thúc đẩy sự hợp tác của họ với các hộ gia đình để thúc đẩy chứng chỉ rừng. Dự án nhằm tăng cường sự sẵn sàng của Việt Nam trong quá trình chuyển đổi quy mô lớn sang quản lý rừng bền vững kết hợp với việc triển khai các hoạt động của Kế hoạch hành động REDD + cấp tỉnh (PRAP). Điều này sẽ góp phần giúp Việt Nam thực hiện thành công các mục tiêu của ngành Lâm nghiệp mà Thủ tướng Chính phủ đề ra tại

Quyết định số 523 / QĐ-TTg ngày 01/4/2020 và Đề án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng của Bộ NN & PTNT. Đồng thời, bổ sung một số hỗ trợ kỹ thuật cho Dự án hợp tác tài chính giữa Việt Nam và Đức cũng trong lĩnh vực quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng được ký kết vào tháng 10/2019.

Trong các cuộc họp tham vấn về Hợp tác Phát triển cấp chính phủ giữa hai Chính phủ Việt Nam và CHLB Đức diễn ra từ ngày 29-30/10/2019, hai chính phủ đã thống nhất về việc xây dựng một Dự án hỗ trợ kỹ thuật về “Nhân rộng Quản lý rừng Bền vững và Chứng chỉ rừng tại Việt Nam”, với tổng ngân sách hỗ trợ tối đa của Chính phủ Đức là 4.000.000 EUR (bằng chữ: tối đa bốn triệu EUR) dưới hình thức một dự án hỗ trợ kỹ thuật mới cấp từ nguồn ngân sách của Quỹ Khí hậu và Công nghệ Đức (German Climate Technology Initiative - DKTI). Về nguyên tắc, DKTI dự đoán sự kết hợp giữa Dự án hỗ trợ kỹ thuật (TC) và Dự án hợp tác tài chính (FC). Cùng với đó, một Dự án FC cũng đã được đồng ý và hiện đang được chuẩn bị. Dự án TC “Nhân rộng quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng” sẽ chuẩn bị về mặt kỹ thuật cho Dự án FC. Cả hai dự án nên được liên kết hoàn toàn. DKTI tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng cường đóng góp vào việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy công nghệ đổi mới và thúc đẩy liên kết với khu vực tư nhân. Những nguyên tắc này đã được xem xét trong thiết kế của Dự án SFM.

Quá trình xây dựng dự án được thực hiện từ ngày 19 - 29/01/2021 với mục tiêu xây dựng một đề xuất dự án chặt chẽ và toàn diện đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng áp dụng đối với các dự án hợp tác kỹ thuật song phương. Đoàn xây dựng dự án đã họp với các cơ quan chính phủ cũng như với các bên liên quan sau đây đã tham gia vào nhiệm vụ đóng góp ý kiến cho Dự án:

- Nhóm các cơ quan chính phủ: Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp thuộc Bộ NN&PTNT; Vụ Quản lý Sản xuất Lâm nghiệp và văn phòng Chứng chỉ rừng của Bộ NN&PTNT; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các tỉnh tỉnh Quảng Trị và Bình Định; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS); Trung tâm Năng lực Quản lý Rừng Bền vững trực thuộc VAFS; và Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam (VNUF).

- Các tổ chức Phi chính phủ/ngoài nhà nước: Hội Chủ rừng Việt Nam (VIFORA); Viện Nghiên cứu Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng (SFMI); RECOFT và ViForest.

- Nhóm các nhà tài trợ/các đối tác quốc tế: Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang (BMZ), Ngân hàng tái thiết Đức (KfW), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Dự án quản lý rừng bền vững do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ và tổ chức DAI Global thực hiện, Quỹ Đối tác Cac-bon trong Lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng Thế giới (World Bank), dự án do Bộ Thực phẩm và Nông nghiệp Liên bang (BMEL) tài trợ và do tổ chức Deutsche Forstservice (DFS) thực hiện.

- Khu vực tư nhân: Công ty VINAFOR và Hiệp hội gỗ Bình Định.

- Các chủ rừng: Các công ty lâm nghiệp nhà nước và các ban quản lý rừng